

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI KEITA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI KEITA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109585678

**3. Ngày thành lập:** 07/04/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 37, Ngách 220, Ngõ 193, Đường Phú Diễn,, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0853833866

Fax:

Email: keita.keitagroup@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                          | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                  | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                            | 4102        |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                      | 4211        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                       | 4212        |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                           | 4221        |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                | 4222        |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                 | 4223        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                  | 4229        |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                           | 4291        |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                    | 4292        |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                              | 4293        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                         | 4299        |
| 13. | Phá dỡ                                                                             | 4311        |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                  | 4312        |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                              | 4321        |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí              | 4322        |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                     | 4329        |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                     | 4330        |
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                | 4390        |
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Loại trừ: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế | 4649        |
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                            | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 23. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4759 |
| 24. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4784 |
| 25. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Căn cứ: Khoản 1 Điều 3; Điều 10 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6810 |
| 26. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng cơ bản.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7110 |
| 27. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>Loại trừ: Hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7120 |
| 28. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7410 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BÙI KHẮC THÀNH | Xóm 6, thôn Khang Ninh, Xã Quỳnh Trang, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam    | Cổ phần phổ thông         | 50.000     | 500.000.000           | 50,000    | 151779450                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 50.000     | 500.000.000           | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | PHẠM VĂN TRUNG | Xóm 2, thôn Chí Cường, Xã Nam Cường, Huyện Tiền Hải, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông         | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    | 151771927                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số                   | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                                   |                           |        |             |        |           |
|---|-----------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|-----------|
| 3 | NGUYỄN XUÂN QUÝ | Xóm 5, thôn Khang Ninh, Xã Quỳnh Trang, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 | 151844029 |
|   |                 |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                                   | Tổng số                   | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |           |
|   |                 |                                                                                   |                           |        |             |        |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: BÙI KHẮC THÀNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/10/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 151779450

Ngày cấp: 15/08/2011

Nơi cấp: Công an tỉnh Thái Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 6, thôn Khang Ninh, Xã Quỳnh Trang, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 3324, Tòa CT12A, Khu đô thị Kim Văn Kim Lũ, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội